

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Minh

2/ Bà Châu Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đinh Thị Diễm T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số 07 TVĐ, phường TK, thành phố TA, tỉnh LA.

- Bị đơn: **Phạm Xuân V**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Diễm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Xuân V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh V hay nhậu nhẹt không chăm lo cho vợ con, mỗi lần say xỉn thường bạo hành vợ về thể xác, tinh thần. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Xuân V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Đình H, sinh ngày 04/12/2001 và Phạm Xuân N, sinh ngày 13/4/2004, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tường trình, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Xuân V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị T xác lập hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CT, tỉnh TG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn không lớn, có cãi vã nhau nhưng không nhiều, anh V có nhậu nhẹt nhưng vẫn chăm lo cho vợ con. Anh V và chị T đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay anh V không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn không lớn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Đình H, sinh ngày 04/12/2001 và Phạm Xuân N, sinh ngày 13/4/2004, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Xuân V dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1] – Về nội dung yêu cầu: Chị Đinh Thị Diễm T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Xuân V. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị T và anh V xác lập hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã. Chị T và anh V đã không còn sống cùng nhà từ tháng 10/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Phạm Xuân V dù không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh V không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn, đồng thời tại phiên tòa anh V vắng mặt, chứng tỏ anh V không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung tên Phạm Đình H, sinh ngày 04/12/2001 và Phạm Xuân N, sinh ngày 13/4/2004, đã trưởng thành nên không xem xét.

[1.4] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Diễm T.

- Chị Đinh Thị Diễm T được ly hôn với anh Phạm Xuân V.

2/ Về án phí: Chị Đinh Thị Diễm T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011973 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Hương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh